



Vietnam Auditing  
and Valuation  
Company Limited

**CÔNG TY CP QUẢN LÝ QUỸ BÔNG SEN**  
**BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH**  
**ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT**  
Tại thời điểm 30/06/2020

Thành viên Hãng kiểm toán MGI Quốc tế  
**mgiworldwide**

**CÔNG TY CP QUẢN LÝ QUỸ BÔNG SEN**  
**BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH**  
**ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT**  
Tại thời điểm 30/06/2020

---

HÀ NỘI, THÁNG 08 NĂM 2020

**CÔNG TY CP QUẢN LÝ QUỸ BÔNG SEN**

Địa chỉ: Phòng C54118, C54119 & C54120, tầng 41, tòa nhà C5 D'.Capitale

Số 119 Trần Duy Hưng, P. Trung Hòa, Q. Cầu Giấy, TP. Hà Nội

---

**MỤC LỤC**

<b>NỘI DUNG</b>	<b>TRANG</b>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	02 - 03
BÁO CÁO SOÁT XÉT VỀ BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH	04
BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH	05 - 14

051  
N  
FN  
EM  
AM  
ET  
LI

## BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Chúng tôi các thành viên Ban Tổng giám đốc Công ty CP Quản lý quỹ Bông Sen (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của Ban Tổng giám đốc cùng với Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính đã được soát xét tại thời điểm 30/06/2020.

### Khái quát chung về Công ty

Công ty CP Quản lý quỹ Bông Sen (sau đây gọi tắt là "Công ty"), được thành lập và hoạt động theo Giấy phép số 35/UBCK-GP ngày 10/03/2009 của Ủy ban chứng khoán Nhà nước. Trong quá trình hoạt động, Công ty có 06 lần được cấp bổ sung Giấy phép điều chỉnh về những việc: bổ sung nghiệp vụ hoạt động kinh doanh, thay đổi trụ sở văn phòng thay đổi người đại diện theo pháp luật và thay đổi tên tiếng Anh của Công ty.

Theo Giấy phép điều chỉnh số 37/GPĐC-UBCK do Ủy ban Chứng khoán cấp bổ sung ngày 06/07/2020 thì vốn điều lệ của Công ty là: 25.000.000.000 VND (Bằng chữ: Hai mươi lăm tỷ đồng Việt Nam).

### Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc

Các thành viên Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc điều hành Công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020 và đến ngày lập Báo cáo này, gồm:

#### Hội đồng quản trị

#### Chức vụ

Ông Cao Hoài Thanh

Chủ tịch

Bà Nguyễn Phương Hạnh

Thành viên (Bổ nhiệm từ ngày 29 tháng 04 năm 2020)

Ông Phạm Thanh Tùng

Thành viên (Bổ nhiệm từ ngày 29 tháng 04 năm 2020)

Ông Đoàn Ngọc Hoàn

Thành viên (Miễn nhiệm từ ngày 29 tháng 04 năm 2020)

Ông Nguyễn Đức Tài

Thành viên (Miễn nhiệm từ ngày 29 tháng 04 năm 2020)

Bà Phạm Minh Ngọc

Thành viên (Miễn nhiệm từ ngày 29 tháng 04 năm 2020)

#### Ban Tổng giám đốc

#### Chức vụ

Ông Cao Hoài Thanh

Tổng giám đốc

Ông Nguyễn Đức Tài

Phó Tổng Giám đốc

Ông Phạm Trọng Bình

Phó Tổng giám đốc

Ông Cao Minh Thắng

Phó Tổng giám đốc

Ông Trần Đình Vũ

Phó Tổng giám đốc

#### Trụ sở chính

Địa chỉ: Phòng C54118, C54119 & C54120, tầng 41, tòa nhà C5 D'.Capitale, Số 119 Trần Duy Hưng, P. Trung Hòa, Q. Cầu Giấy, TP. Hà Nội.



**BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**  
(tiếp theo)

**Công bố trách nhiệm của Ban Tổng giám đốc đối với Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính**

Ban Tổng giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính tại thời điểm 30/06/2020 phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tỷ lệ an toàn tài chính tại thời điểm 30/06/2020 và nhận thấy không có vấn đề bất thường xảy ra có thể ảnh hưởng đến khả năng hoạt động liên tục của Công ty.

Trong quá trình lập Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính, Ban Tổng giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các quy định tại Thông tư số 87/2017/TT-BTC ngày 15/08/2017 của Bộ Tài chính về việc quy định các chỉ tiêu an toàn tài chính và biện pháp xử lý đối với các tổ chức kinh doanh chứng khoán không đáp ứng chỉ tiêu an toàn tài chính.

Ban Tổng giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tỷ lệ an toàn tài chính của Công ty tại thời điểm 30/06/2020.

*Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng giám đốc,*  
**CÔNG TY CP QUẢN LÝ QUỸ BÔNG SEN**



**Cao Hoài Thanh**  
**Tổng giám đốc**

*Hà Nội, ngày 11 tháng 08 năm 2020*



Công ty TNHH Kiểm toán và Thẩm định giá Việt Nam  
Địa chỉ: Tầng 14 Tòa nhà Sudico, đường Mỹ Đình  
P. Mỹ Đình 1, Q. Nam Từ Liêm, Hà Nội, Việt Nam  
Tel: (+84 24) 3868 9566 / (+84 24) 3868 9588  
Fax: (+84 24) 3868 6248  
Web: [kiemtoanava.com.vn](http://kiemtoanava.com.vn)

Số: 583/BCTC/TC/NV8

Hà Nội, ngày 12 tháng 08 năm 2020

## BÁO CÁO SOÁT XÉT về Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính tại thời điểm 30/06/2020

Kính gửi: **Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc  
Công ty CP Quản lý quỹ Bông Sen**

Chúng tôi, Công ty TNHH Kiểm toán và Thẩm định giá Việt Nam đã tiến hành soát xét Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính tại thời điểm 30/06/2020 của Công ty CP Quản lý quỹ Bông Sen (gọi tắt là "Công ty") được lập ngày 11 tháng 08 năm 2020, từ trang 06 đến trang 14 kèm theo.

### Trách nhiệm của Ban Tổng giám đốc

Ban Tổng giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính tại thời điểm 30/06/2020 phù hợp quy định tại Thông tư số 87/2017/TT-BTC ngày 15/08/2017 của Bộ Tài chính quy định chi tiêu an toàn tài chính và biện pháp xử lý đối với các tổ chức kinh doanh chứng khoán không đáp ứng các chỉ tiêu an toàn tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính tại thời điểm 30/06/2020 không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính tại ngày 30/06/2020 dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo các nguyên tắc của Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 253 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện, trong phạm vi các nguyên tắc này có thể được áp dụng cho công việc soát xét thông tin tài chính quá khứ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét Thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

### Kết luận của kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính kèm theo, trên các khía cạnh trọng yếu, được lập và trình bày không phù hợp với quy định của Thông tư số 87/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 08 năm 2017 của Bộ Tài chính quy định chi tiêu an toàn tài chính và biện pháp xử lý đối với các tổ chức kinh doanh chứng khoán không đáp ứng các chỉ tiêu an toàn tài chính.



Nguyễn Bảo Trung  
Phó Tổng Giám đốc  
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0373-2018-126-1  
Thay mặt và đại diện cho  
**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ THẨM ĐỊNH GIÁ VIỆT NAM**

Thành viên Hãng kiểm toán MGI Quốc tế  
**mgeworldwide**



Số:

V/v: Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính

Hà Nội, ngày tháng 08 năm 2020

Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước  
**BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH**

Tại thời điểm: 30/06/2020

Chúng tôi cam đoan rằng:

- (1) Báo cáo được xây dựng trên cơ sở số liệu được cập nhật tại ngày lập báo cáo theo đúng quy định tại Thông tư số 87/2017/TT-BTC ngày 15/08/2017 của Bộ Tài chính quy định chi tiêu an toàn tài chính và biện pháp xử lý đối với các tổ chức kinh doanh chứng khoán không đáp ứng các chỉ tiêu an toàn tài chính;
- (2) Đối với những vấn đề có thể ảnh hưởng đến tình hình tài chính của Công ty phát sinh sau ngày lập báo cáo này, chúng tôi sẽ cập nhật trong kỳ báo cáo tiếp theo;
- (3) Chúng tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác và trung thực của nội dung báo cáo.

Phụ trách kế toán

Nguyễn Thị Hương

Trưởng bộ phận  
Kiểm soát nội bộ

Nguyễn Trung Kiên

Tổng Giám đốc



Cao Hoài Thanh

## BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH

Tại thời điểm: 30/06/2020

Đơn vị tính: VND

## I. BẢNG TÍNH VỐN KHẢ DỤNG

STT	NỘI DUNG	Vốn khả dụng		
		Vốn khả dụng	Khoản giảm trừ	Khoản tăng thêm
		(1)	(2)	(3)
<b>A</b>	<b>Vốn chủ sở hữu</b>			
1	Vốn góp của chủ sở hữu không bao gồm cổ phần ưu đãi hoàn lại (nếu có)	25.000.000.000	-	-
2	Thặng dư vốn cổ phần không bao gồm cổ phần ưu đãi hoàn lại (nếu có)	-	-	-
3	Cổ phiếu quỹ	-	-	-
4	Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu - Cấu phần vốn	-	-	-
5	Vốn khác của chủ sở hữu	-	-	-
6	Chênh lệch đánh giá tài sản theo giá trị hợp lý	-	-	-
7	Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	-	-	-
8	Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro	-	-	-
9	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	-	-	-
10	Lợi nhuận chưa phân phối	(4.974.083.180)	-	-
11	Số dư dự phòng suy giảm giá trị tài sản	1.000.000.000	-	-
12	Chênh lệch đánh giá lại tài sản cố định	-	-	-
13	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	-	-	-
14	Các khoản nợ có thể chuyển đổi	-	-	-
15	Toàn bộ phần giảm đi hoặc tăng thêm của các chứng khoán tại chi tiêu đầu tư tài chính	-	1.000.000.000	242.336.383
16	Vốn khác (nếu có)	-	-	-
<b>1A</b>	<b>Tổng</b>			<b>20.268.253.203</b>
<b>B</b>	<b>Tài sản ngắn hạn</b>			
<b>I</b>	<b>Tài sản tài chính</b>			
1	Tiền và các khoản tương đương tiền	-	-	-
2	Các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)	-	-	-
	- Chứng khoán tiềm ẩn rủi ro thị trường	-	-	-
	- Chứng khoán bị giảm trừ khỏi vốn khả dụng	-	-	-



**BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH**

Tại thời điểm: 30/06/2020

(tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

**I. BẢNG TÍNH VỐN KHẢ DỤNG (tiếp theo)**

STT	NỘI DUNG	Vốn khả dụng		
		Vốn khả dụng	Khoản giảm trừ	Khoản tăng thêm
		(1)	(2)	(3)
3	Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM)	-	-	-
	- Chứng khoán tiềm ẩn rủi ro thị trường	-	-	-
	- Chứng khoán bị giảm trừ khỏi vốn khả dụng	-	-	-
4	Các khoản cho vay	-	-	-
5	Tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS)	-	-	-
	- Chứng khoán tiềm ẩn rủi ro thị trường	-	-	-
	- Chứng khoán bị giảm trừ khỏi vốn khả dụng	-	-	-
6	Dự phòng suy giảm giá trị các tài sản tài chính và tài sản thế chấp	-	-	-
7	Các khoản phải thu (Phải thu bán các tài sản tài chính; Phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi từ các tài sản tài chính)	-	-	-
	- Các khoản phải thu có thời hạn thanh toán còn lại từ 90 ngày trở xuống	-	-	-
	- Các khoản phải thu có thời hạn thanh toán còn lại trên 90 ngày	-	-	-
8	Chứng quyền có bảo đảm chưa phát hành hết	-	-	-
9	Chứng khoán cơ sở phục vụ mục đích phòng ngừa rủi ro khi phát hành chứng quyền có bảo đảm	-	-	-
10	Trả trước cho người bán	-	588.100.000	-
11	Phải thu hoạt động nghiệp vụ	-	-	-
	- Phải thu hoạt động nghiệp vụ có thời hạn thanh toán còn lại từ 90 ngày trở xuống	-	-	-
	- Phải thu hoạt động nghiệp vụ có thời hạn thanh toán còn lại trên 90 ngày	-	-	-
12	Phải thu nội bộ	-	-	-
	- Phải thu nội bộ có thời hạn thanh toán còn lại từ 90 ngày trở xuống	-	-	-

## BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH

Tại thời điểm: 30/06/2020

(tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

## I. BẢNG TÍNH VỐN KHẢ DỤNG (tiếp theo)

STT	NỘI DUNG	Vốn khả dụng		
		Vốn khả dụng	Khoản giảm trừ	Khoản tăng thêm
		(1)	(2)	(3)
	- Phải thu nội bộ có thời hạn thanh toán còn lại trên 90 ngày	-	-	-
13	Phải thu về lỗi giao dịch chứng khoán	-	-	-
	- Các khoản phải thu có thời hạn thanh toán còn lại từ 90 ngày trở xuống	-	-	-
	- Các khoản phải thu có thời hạn thanh toán còn lại trên 90 ngày	-	-	-
14	Các khoản phải thu khác	-	-	-
	- Các khoản phải thu có thời hạn thanh toán còn lại từ 90 ngày trở xuống	-	-	-
	- Các khoản phải thu có thời hạn thanh toán còn lại trên 90 ngày	-	-	-
15	Dự phòng suy giảm giá trị các khoản phải thu	-	-	-
<b>II</b>	<b>Tài sản ngắn hạn khác</b>	-	-	-
1	Tạm ứng	-	-	-
	- Tạm ứng có thời hạn hoàn ứng còn lại từ 90 ngày trở xuống	-	-	-
	- Tạm ứng có thời hạn hoàn ứng còn lại trên 90 ngày	-	-	-
2	Vật tư văn phòng, công cụ dụng cụ	-	-	-
3	Chi phí trả trước ngắn hạn	-	2.578.500	-
4	Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	-	-	-
5	Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	-	-	-
6	Tài sản ngắn hạn khác	-	1.222.808.222	-
7	Dự phòng suy giảm giá trị tài sản ngắn hạn khác	-	-	-
<b>1B</b>	<b>Tổng</b>			<b>1.813.486.722</b>
<b>C</b>	<b>Tài sản dài hạn</b>			
<b>I</b>	<b>Tài sản tài chính dài hạn</b>	-	-	-
1	Các khoản phải thu dài hạn	-	-	-
2	Các khoản đầu tư	-	-	-
2.1	Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	-	-	-
	- Chứng khoán tiềm ẩn rủi ro thị	-	-	-
	- Chứng khoán bị giảm trừ khỏi vốn khả dụng	-	-	-



## BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH

Tại thời điểm: 30/06/2020

(tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

## I. BẢNG TÍNH VỐN KHẢ DỤNG (tiếp theo)

STT	NỘI DUNG	Vốn khả dụng		
		Vốn khả dụng	Khoản giảm trừ	Khoản tăng thêm
		(1)	(2)	(3)
2.2	Đầu tư vào công ty con	-	-	-
2.3	Đầu tư vào công ty liên doanh, liên	-	-	-
2.4	Đầu tư dài hạn khác	-	-	-
<b>II</b>	<b>Tài sản cố định</b>	-	-	-
<b>III</b>	<b>Bất động sản đầu tư</b>	-	-	-
<b>IV</b>	<b>Chi phí xây dựng cơ bản dở dang</b>	-	-	-
<b>V</b>	<b>Tài sản dài hạn khác</b>	-	1.414.281	-
1	Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược dài	-	-	-
2	Chi phí trả trước dài hạn	-	1.414.281	-
3	Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	-	-	-
4	Tiền nộp Quỹ hỗ trợ thanh toán	-	-	-
5	Tài sản dài hạn khác	-	-	-
<b>VI</b>	<b>Dự phòng suy giảm giá trị tài sản</b>	-	-	-
	<i>Các chỉ tiêu tài sản bị coi là khoản ngoại trừ, có ý kiến trái ngược hoặc từ chối đưa ra ý kiến tại báo cáo tài chính đã được kiểm toán, soát xét mà không bị tính giảm trừ theo quy định tại Điều 5</i>	-	-	-
<b>1C</b>	<b>Tổng</b>			1.414.281
<b>D</b>	<b>Các khoản ký quỹ, đảm bảo</b>			
1	Giá trị ký quỹ	-	-	-
1.1	Giá trị đóng góp vào quỹ hỗ trợ thanh toán của Trung tâm Lưu ký chứng khoán (đối với thị trường chứng	-	-	-
1.2	Giá trị đóng góp quỹ bù trừ của đối tác thanh toán trung tâm đối với vị thế mở của chính thành viên bù trừ (đối với thị trường chứng khoán phái sinh)	-	-	-
1.3	Khoản ký quỹ bằng tiền và giá trị bảo lãnh thanh toán của ngân hàng khi phát hành chứng quyền có bảo đảm	-	-	-
2	Giá trị tài sản bảo đảm cho các nghĩa vụ phải trả có thời hạn còn lại trên 90 ngày	-	-	-
<b>1D</b>	<b>Tổng</b>			
	<b>VỐN KHẢ DỤNG = 1A - 1B - 1C - 1D</b>			18.453.352.200



**BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH**

Tại thời điểm: 30/06/2020

(tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

**II. BẢNG TÍNH GIÁ TRỊ RỦI RO****A. GIÁ TRỊ RỦI RO THỊ TRƯỜNG**

Các hạng mục đầu tư		Hệ số rủi ro (%)	Quy mô rủi ro	Giá trị rủi ro
		(1)	(2)	(3) = (1) x (2)
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền, công cụ thị trường tiền tệ</b>				
1	Tiền mặt (VND)	0	7.471.815.499	-
2	Các khoản tương đương tiền	0	-	-
3	Giấy tờ có giá, công cụ chuyển nhượng trên thị trường tiền tệ, chứng chỉ tiền gửi	0	-	-
<b>II. Trái phiếu Chính phủ</b>				
4	Trái phiếu Chính phủ không trả lãi	0	-	-
5	Trái phiếu Chính phủ trả lãi suất cố định			
5.1	Trái phiếu Chính phủ trả lãi suất cố định: Trái phiếu Chính phủ (bao gồm công trái và trái phiếu công trình đã phát hành trước đây), Trái phiếu Chính phủ các nước thuộc khối OECD hoặc được bảo lãnh bởi Chính phủ hoặc Ngân hàng Trung ương của các nước thuộc khối này, Trái phiếu được phát hành bởi các tổ chức quốc tế IBRD, ADB, IADB, AFDB, EIB và EBRD	3	-	-
<b>III. Trái phiếu doanh nghiệp</b>				
6	Trái phiếu niêm yết có thời gian đáo hạn còn lại dưới 1 năm, kể cả trái phiếu chuyển đổi	8	-	-
	Trái phiếu niêm yết có thời gian đáo hạn còn lại từ 1 năm đến dưới 3 năm, kể cả trái phiếu chuyển đổi	10	-	-
	Trái phiếu niêm yết có thời gian đáo hạn còn lại từ 3 năm đến dưới 5 năm, kể cả trái phiếu chuyển đổi	15	-	-
	Trái phiếu niêm yết có thời gian đáo hạn còn lại từ 5 năm trở lên, kể cả trái phiếu chuyển đổi	20	-	-
7	Trái phiếu không niêm yết có thời gian đáo hạn còn lại dưới 1 năm, kể cả trái phiếu chuyển đổi	25	-	-
	Trái phiếu không niêm yết có thời gian đáo hạn còn lại từ 1 năm đến dưới 3 năm, kể cả trái phiếu chuyển đổi	30	-	-
	Trái phiếu không niêm yết có thời gian đáo hạn còn lại từ 3 năm đến dưới 5 năm, kể cả trái phiếu chuyển đổi	35	-	-
	Trái phiếu không niêm yết có thời gian đáo hạn còn lại từ 5 năm trở lên, kể cả trái phiếu chuyển đổi	40	-	-

**BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH**

Tại thời điểm: 30/06/2020

(tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

**II. BẢNG TÍNH GIÁ TRỊ RỦI RO (tiếp theo)****A. GIÁ TRỊ RỦI RO THỊ TRƯỜNG (tiếp theo)**

Các hạng mục đầu tư		Hệ số rủi ro (%)	Quy mô rủi ro	Giá trị rủi ro
		(1)	(2)	(3) = (1) x (2)
<b>IV. Cổ phiếu</b>				<b>1.639.877.085</b>
8	Cổ phiếu phổ thông, cổ phiếu ưu đãi của các tổ chức niêm yết tại Sở giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh; chứng chỉ quỹ mở	10	410.850	41.085
9	Cổ phiếu phổ thông, cổ phiếu ưu đãi của các tổ chức niêm yết tại Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội	15	10.932.240.000	1.639.836.000
10	Cổ phiếu phổ thông, cổ phiếu ưu đãi các công ty đại chúng chưa niêm yết, đăng ký giao dịch qua hệ thống UpCom	20		-
11	Cổ phiếu phổ thông, cổ phiếu ưu đãi của các công ty đại chúng đã đăng ký lưu ký, nhưng chưa niêm yết hoặc đăng ký giao dịch; cổ phiếu đang trong đợt phát hành lần đầu (IPO)	30	-	-
12	Cổ phiếu của các công ty đại chúng khác	50	-	-
<b>V. Chứng chỉ quỹ đầu tư chứng khoán</b>				<b>-</b>
13	Quỹ đại chúng, bao gồm cả công ty đầu tư chứng khoán đại chúng	10	-	-
14	Quỹ thành viên, công ty đầu tư chứng khoán riêng lẻ	30	-	-
<b>VI. Chứng khoán bị hạn chế giao dịch</b>				<b>-</b>
15	Chứng khoán bị tạm ngừng giao dịch	40	-	-
16	Chứng khoán bị hủy niêm yết, hủy giao dịch	50	-	-
<b>VII. Chứng khoán phái sinh</b>				<b>-</b>
17	Hợp đồng tương lai chỉ số cổ phiếu	8	-	-
18	Hợp đồng tương lai trái phiếu chính phủ	3	-	-
<b>VIII. Chứng khoán khác</b>				<b>800.000.000</b>
19	Cổ phần, phần vốn góp và các loại chứng khoán khác	80	1.000.000.000	800.000.000
20	Cổ phiếu niêm yết trên các thị trường nước ngoài thuộc chỉ số đạt chuẩn	25	-	-
21	Cổ phiếu niêm yết trên các thị trường nước ngoài không thuộc chỉ số đạt chuẩn	100	-	-
22	Chứng quyền có bảo đảm niêm yết trên Sở giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh	8	-	-
23	Chứng quyền có bảo đảm niêm yết trên Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội	10	-	-
24	Chứng quyền có bảo đảm do công ty chứng khoán phát hành		-	-



**BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH**

Tại thời điểm: 30/06/2020

(tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

**II. BẢNG TÍNH GIÁ TRỊ RỦI RO (tiếp theo)****A. GIÁ TRỊ RỦI RO THỊ TRƯỜNG (tiếp theo)**

Các hạng mục đầu tư		Hệ số rủi ro (%)	Quy mô rủi ro	Giá trị rủi ro
		(1)	(2)	(3) = (1) x (2)
25	Chứng khoán hình thành từ hoạt động phòng ngừa rủi ro cho chứng quyền có bảo đảm do công ty chứng khoán đã phát hành (trường hợp chứng quyền có bảo đảm không có lãi)		-	-
26	Phân chênh lệch giữa giá trị chứng khoán cơ sở dùng để phòng ngừa rủi ro và giá trị chứng khoán cơ sở cần thiết để phòng ngừa rủi ro cho chứng quyền có bảo đảm		-	-
<b>IX. Rủi ro tăng thêm (nếu có)</b>				<b>491.950.800</b>
	Mã chứng khoán	Mức tăng thêm	Quy mô rủi ro	Giá trị rủi ro
	CVN	30%	10.932.240.000	491.950.800
<b>A. TỔNG GIÁ TRỊ RỦI RO THỊ TRƯỜNG (A= I+II+III+IV+V+VI+VII+VIII+IX)</b>				<b>2.931.827.885</b>



**BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH**

Tại thời điểm: 30/06/2020

(tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

**II. BẢNG TÍNH GIÁ TRỊ RỦI RO (tiếp theo)****B. RỦI RO THANH TOÁN**

	Giá trị rủi ro
Rủi ro trước thời hạn thanh toán (Thuyết minh 1)	20.907.069
Rủi ro quá thời hạn thanh toán (Thuyết minh 2)	-
Rủi ro tăng thêm (Thuyết minh 3)	-
<b>Tổng giá trị rủi ro thanh toán</b>	<b>20.907.069</b>

**1. Rủi ro trước thời hạn thanh toán**

Loại hình giao dịch	Hệ số rủi ro (%)	Giá trị rủi ro (VND)						Tổng giá trị rủi ro
		0%	0,8%	3,2%	4,8%	6%	8%	
		(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	
1	Tiền gửi kỳ hạn, các khoản tiền cho vay không có tài sản bảo đảm và các khoản phải thu từ hoạt động giao dịch và nghiệp vụ kinh doanh chứng khoán và các khoản mục tiềm ẩn rủi ro thanh toán khác	-	-	-	-	-	20.907.069	20.907.069
<b>TỔNG RỦI RO TRƯỚC THỜI HẠN THANH TOÁN</b>								<b>20.907.069</b>

**2. Rủi ro quá thời hạn thanh toán**

	Thời gian quá hạn	Hệ số rủi ro (%)	Quy mô rủi ro	Giá trị rủi ro
1	Từ 0 đến 15 ngày sau thời hạn thanh toán, chuyển giao chứng khoán	16	-	-
2	Từ 16 đến 30 ngày sau thời hạn thanh toán, chuyển giao chứng khoán	32	-	-
3	Từ 31 đến 60 ngày sau thời hạn thanh toán, chuyển giao chứng khoán	48	-	-
4	Từ 60 ngày trở lên sau thời hạn thanh toán, chuyển giao chứng khoán	100	-	-
<b>TỔNG RỦI RO QUÁ THỜI HẠN THANH TOÁN</b>				<b>-</b>

**3. Rủi ro tăng thêm**

TT	Chi tiết tới từng khoản vay, tới từng đối tác	Mức tăng thêm	Quy mô rủi ro	Giá trị rủi ro
		10%		-
		20%		-
		30%		-
<b>TỔNG RỦI RO TĂNG THÊM</b>				<b>-</b>

**BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH**

Tại thời điểm: 30/06/2020

(tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

**II. BẢNG TÍNH GIÁ TRỊ RỦI RO (tiếp theo)**

**C. RỦI RO HOẠT ĐỘNG (TÍNH TRONG VÒNG 12 THÁNG)**

	Chỉ tiêu	Giá trị
I	Tổng chi phí hoạt động phát sinh trong vòng 12 tháng	8.925.876.392
II	Các khoản giảm trừ khỏi tổng chi phí (Thuyết minh 1)	(1.033.895.915)
III	Tổng chi phí sau khi giảm trừ (III=I-II)	9.959.772.307
IV	25% Tổng chi phí sau khi giảm trừ (IV=25%III)	2.489.943.077
V	20% Vốn pháp định của tổ chức kinh doanh chứng khoán	5.000.000.000
<b>TỔNG GIÁ TRỊ RỦI RO HOẠT ĐỘNG (Max{IV,V})</b>		<b>5.000.000.000</b>

**1. Các khoản giảm trừ khỏi tổng chi phí**

(Đơn vị tính: đồng)

	Giá trị
Chi phí khấu hao	-
Hoàn nhập dự phòng suy giảm giá trị các tài sản tài chính và tài sản thế chấp	(1.033.895.915)
Chi phí/Hoàn nhập dự phòng suy giảm giá trị các tài sản tài chính dài hạn	-
Chi phí dự phòng suy giảm giá trị các khoản phải thu	-
	<b>(1.033.895.915)</b>

**III. BẢNG TỔNG HỢP CÁC CHỈ TIÊU RỦI RO VÀ VỐN KHẢ DỤNG**

STT	Các chỉ tiêu	Giá trị rủi ro /Vốn khả dụng	Ghi chú (nếu có)
1	Tổng giá trị rủi ro thị trường	2.931.827.885	
2	Tổng giá trị rủi ro thanh toán	20.907.069	
3	Tổng giá trị rủi ro hoạt động	5.000.000.000	
4	Tổng giá trị rủi ro (4=1+2+3)	7.952.734.954	
5	Vốn khả dụng	18.453.352.200	
6	Tỷ lệ an toàn vốn khả dụng (6=5/4)	232%	

Hà Nội, ngày 11 tháng 08 năm 2020

CÔNG TY CP QUẢN LÝ QUỸ BÔNG SEN

Phụ trách kế toán

Nguyễn Thị Hương

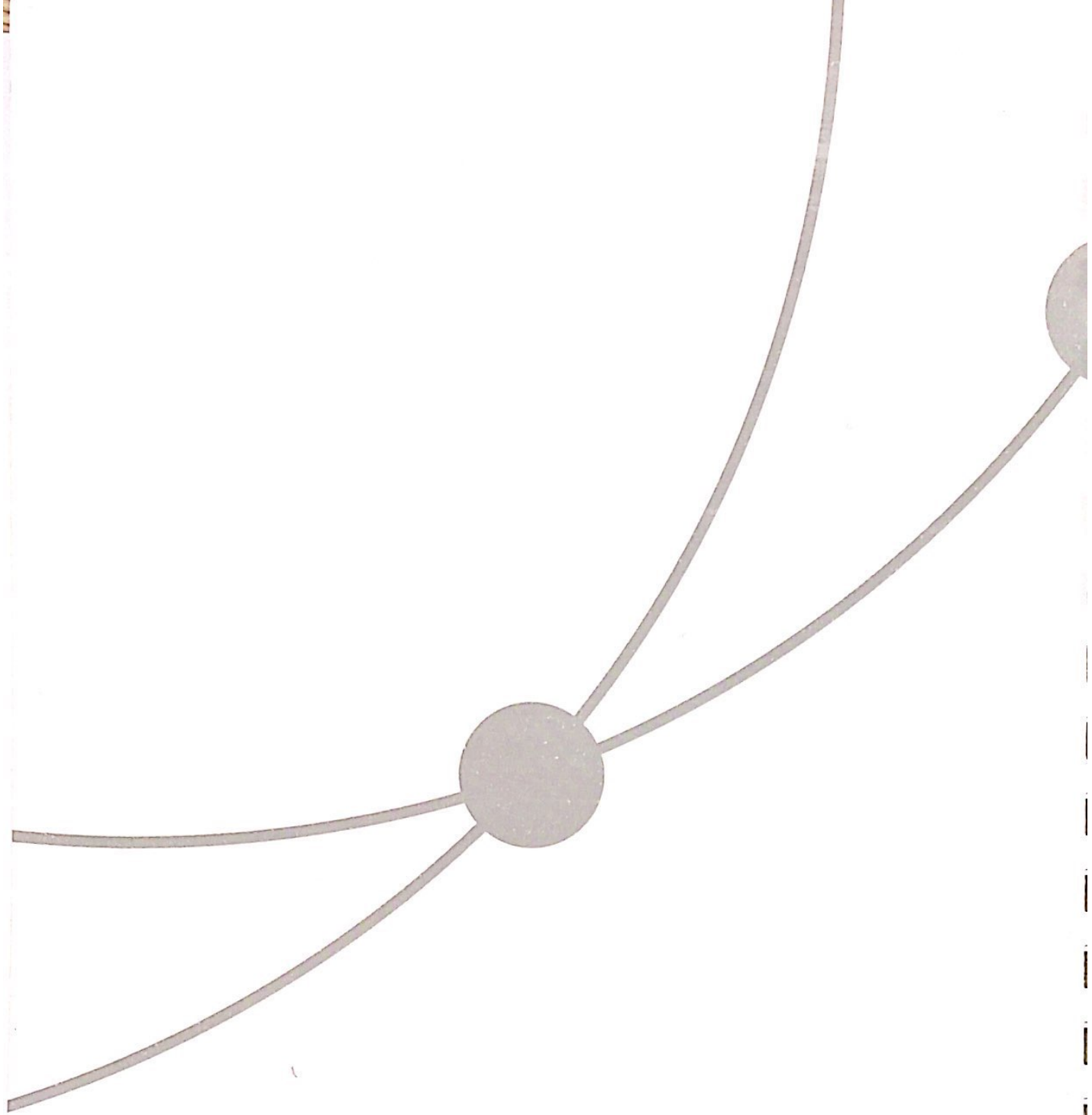
Trưởng bộ phận  
Kiểm soát nội bộ

Nguyễn Trung Kiên

Tổng Giám đốc



Cao Hoài Thanh



## **CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ THẨM ĐỊNH GIÁ VIỆT NAM**

---

**Trụ sở chính**

Tầng 14 Tòa nhà SUDICO, đường Mê Trì  
P. Mỹ Đình 1, Q.Nam Từ Liêm, TP Hà Nội  
Tel: (+84 24) 3868 9566 / (+84 24) 3868 9588  
Fax: (+84 24) 3868 6248

**Chi nhánh Quảng Ninh**

Tổ 4, Khu 4, P.Giếng Đáy,  
TP Hạ Long, Quảng Ninh  
Tel: (+84 203) 382 2030  
Fax: (+84 203) 382 2030

**Văn phòng đại diện KV miền Trung**

Số 23 Mai Hắc Đế, TP Vinh, Nghệ An  
Tel: (+84 238) 354 1046  
Fax: (+84 238) 354 1046  
Website: [kiemtoanava.com.vn](http://kiemtoanava.com.vn)